

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ MẠNH LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ MẠNH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: MANH LONG MANUFACTURING AND SERVICES COMPANY LIMITED

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110394484

**3. Ngày thành lập:** 21/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ngõ 80A, Thôn Thiết Ứng, Xã Vân Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965706178

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                              | 4610     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                          | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>-Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>-Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                       | 4663     |
| 5.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                           | 0131     |
| 6.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                            | 0132     |
| 7.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                        | 0210     |
| 8.  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                                                                 | 0231     |
| 9.  | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                                                                  | 0232     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                  | 0240     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Không bao gồm: hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu).                               | 8299     |
| 12. | Quảng cáo<br>(Loại trừ các hoạt động, hàng hóa thuộc danh mục ngành nghề, hoạt động cấm kinh doanh)                                                                                                                           | 7310     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản, các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                              | 4690(Chính) |
| 14. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1610        |
| 15. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1621        |
| 16. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1622        |
| 17. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1623        |
| 18. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                      | 4774        |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                             | 4789        |
| 20. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4911        |
| 21. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4912        |
| 22. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4921        |
| 23. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                    | 4922        |
| 24. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4929        |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                         | 4931        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 28. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: Vận tải hành khách ven biển                                                                                                                                                                                                                                          | 5011        |
| 29. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển                                                                                                                                                                                                                                              | 5012        |
| 30. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5021        |
| 31. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5022        |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5221        |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5222        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>(Loại trừ các hoạt động có điều kiện hoặc các ngành nghề thuộc danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                    | 5225 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu<br>- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải bộ<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 5229 |
| 38. | Bưu chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5310 |
| 39. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản và danh mục hàng hóa cấm kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện) | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO THỊ KIM THOA | Việt Nam  | Thôn Thiết Ứng, Xã Vân Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 300.000.000           | 30,000    | 001192030317                                                                                            |         |
| 2   | ĐÀO CÔNG MẠNH    | Việt Nam  | Thôn Thiết Ứng, Xã Vân Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 700.000.000           | 70,000    | 001094022779                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO CÔNG MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001094022779

Ngày cấp: 21/01/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Thiết Úng, Xã Vân Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thiết Úng, Xã Vân Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội